

Ngày 12/02/2018

**Phòng phân tích
Công ty cổ phần
Chứng Khoán Phú Hưng**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật
Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479
Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855
Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn/support@phs.vn
Web: www.phs.vn

Tuần giao dịch vừa qua chứng kiến sự bốc hơi điểm số diễn ra trên thị trường chứng khoán Mỹ, kéo thị trường Châu Á bị ảnh hưởng khá mạnh, trong đó chứng khoán Việt Nam không phải là ngoại lệ. Tuần giao dịch trước kỳ nghỉ lễ ghi nhận mức giảm mạnh nhất trong vòng 1 năm qua của cả hai chỉ số, tình trạng bán tháo này cũng diễn ra ở hầu hết các phiên còn lại.

Xu hướng chính của VN-Index trong tuần này là điều chỉnh. Từ mức 1,105.04 điểm trong phiên cuối tuần trước, chỉ số giảm hơn 100 điểm và chốt tuần tại mức 1003.94 điểm (-9.15%). KLGĐ KL bình quân mỗi phiên đạt 236.4 triệu cổ phiếu (-6.9%), tương đương 5955 tỷ/phiên (-14.8%)

Ngân hàng VCB (-9.8%), CTG (-12.6%), BID (-3.5%) và thực phẩm VNM (-7.9%), SAB (-9.2%), MSN (-9.8%) là hai cái tên đứng đầu trong danh sách giảm điểm. Cùng với đó, các cổ phiếu dầu khí cũng chịu áp lực bán khá mạnh do ảnh hưởng từ diễn biến đầy tiêu cực của giá dầu thế giới, trong đó GAS (-21.3%) giảm mạnh nhất khi rớt thảm 24 điểm trong 1 tuần giao dịch, ngoài ra PLX (-17.5%) và PVD (-27.8%) cũng chịu áp lực bán tháo khi đều có hơn 2 phiên giảm sàn. Diễn biến tương tự diễn ra ở nhóm bất động sản VIC (-10.6%), DXG (-4.9%), VRE (-13.5%); xây dựng ROS (-11.3%), REE (-13.3%), HBC (-17.0%) và thép HPG (-4.4%), HSG (-12.8%), NKG (-12.0%).

Diễn biến tương tự trên sàn Hà Nội, áp lực bán vẫn chiếm ưu thế. Chốt tuần, HNX-Index đóng cửa tại 117.50 điểm (-5.22%). KLGĐ KL bình quân mỗi phiên đạt 72.1 triệu cổ phiếu (-10.6%), tương đương 1045 tỷ/phiên (-22.3%)

Dẫn đầu đà giảm của chỉ số HNX-Index là các cổ phiếu dầu khí PVS (-24.8%), PVC (-20.8%), PGS (-5.7%) và vật liệu xây dựng VCS (-10.0%), VGC (-8.1%), VHL (-2.8%). Bên cạnh đó, nhóm xây dựng VCG (-14.1%), PVX (-8.6%), CTX (-9.1%) và ngân hàng ACB (-3.7%), SHB (-2.7%) là hai cái tên tiếp theo đóng góp vào diễn biến giảm của chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh mua ròng trên cả hai sàn. Trong đó, giá trị mua ròng trên sàn HOSE tăng đột biến lên 4,113.3 tỷ đồng, tập trung ở các mã VRE (+4193.6 tỷ), HDB (+281.5 tỷ), GAS (+91.7 tỷ) và bán ròng chủ yếu HPG (-239.8 tỷ), VJC (-225.3 tỷ), VNM (-128.2 tỷ). Cổ phiếu VRE trong tuần qua được khối ngoại tăng mua ròng thông qua phương thức thỏa thuận, nếu loại bỏ giá trị mua ròng của cổ phiếu này, diễn biến khối ngoại trên sàn HOSE sẽ là bán ròng. Tại sàn Hà Nội, khối ngoại mua ròng với giá trị 111.0 tỷ đồng, tập trung ở các mã SHB (+63.7 tỷ), VCG (+53.4 tỷ), VGC (+24.3 tỷ) trong khi PGS (-39.1 tỷ), INN (-1.7 tỷ), LAS (-1.6 tỷ) dẫn đầu bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có tuần giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì ở mức thấp hơn bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang có dấu hiệu thận trọng và đứng ngoài thị trường. Không những vậy, chỉ số tiếp tục đóng cửa dưới MA 5 và 20, kèm theo MA 5 cắt xuống MA 50 cho tín hiệu xác nhận xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của chỉ số. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác cũng đang cho tín hiệu tiêu cực, như MACD cắt xuống đường Signal và RSI đi xuống vùng 40 cho thấy chỉ số có thể sẽ tiếp tục xuống thử thách ngưỡng 976 điểm (Fib 38.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng có tuần giảm điểm thứ hai liên tiếp, Chỉ số tiếp tục đi xuống và duy trì đóng cửa dưới MA 20, kèm khối lượng giao dịch suy giảm cho thấy dòng tiền đang đứng ngoài thị trường, xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của chỉ số đang tiếp diễn, ngưỡng hỗ trợ gần có thể là vùng 115 điểm (Fib 127.2). Nhìn chung, xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của thị trường có thể vẫn còn tiếp diễn. Thị trường có thể tiến xuống thử thách các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng danh mục ở mức hợp lý và hạn chế sử dụng margin tại thời điểm hiện tại.

Tổng quan thị trường

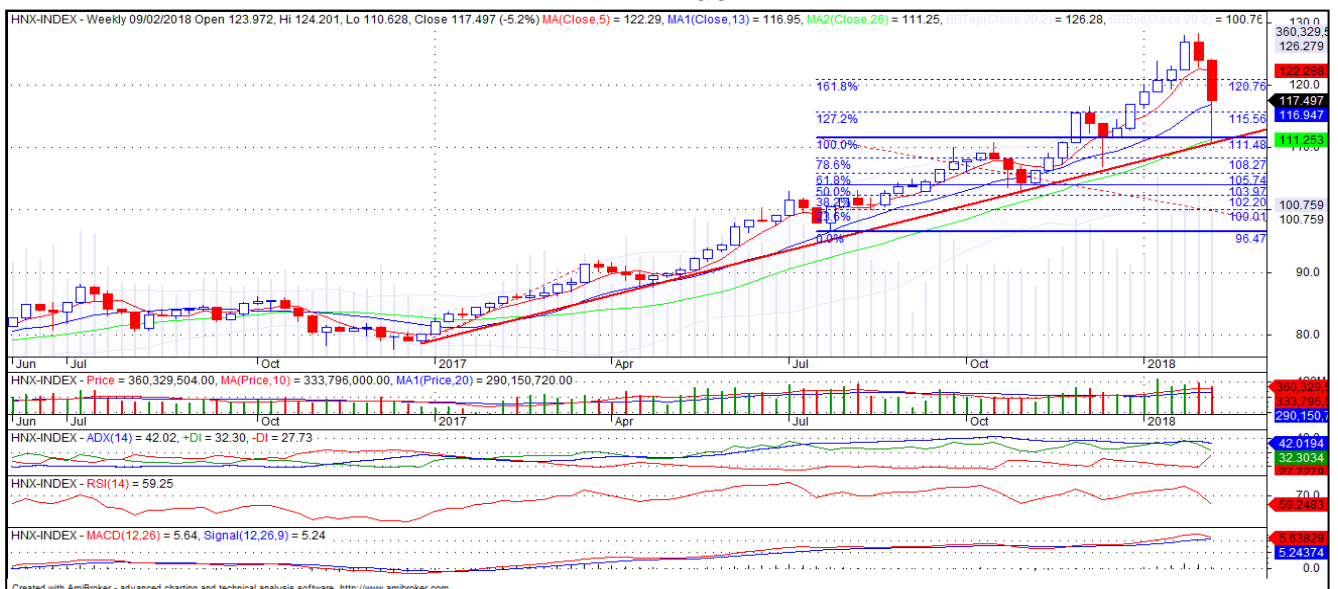
Thị trường trong nước

Ngày tháng	Thứ 2 05/02	Thứ 3 06/02	Thứ 4 07/02	Thứ 5 08/02	Thứ 6 09/02	Tr. bình
HOSE	1,048.71	1,011.60	1,040.55	1,023.25	1,003.94	1,025.61
Thay đổi +/-	-56.33	-37.11	28.95	-17.30	-19.31	-20.22
Thay đổi %	-5.0%	-4.0%	3.0%	-2.0%	-2.0%	-2.0%
Khối lượng (tr.CP)	248.15	364.44	208.75	161.03	199.52	236.38
Giá trị (tỷ đồng)	6,468.8	9,471.3	5,272.5	3,600.0	4,961.2	5,954.8
Đầu tư nước ngoài	71.5	4,109.6	-224.5	447.1	-290.4	822.7
HNX	118.94	115.63	119.62	116.94	117.50	117.73
Thay đổi +/-	-5.03	-3.31	3.99	-2.68	0.56	-1.29
Thay đổi %	-4.0%	-3.0%	3.0%	-2.0%	0.0%	-1.0%
Khối lượng (tr.CP)	76.92	116.53	57.42	46.48	62.97	72.07
Giá trị (tỷ đồng)	1,198.1	1,657.7	849.2	627.2	891.3	1,044.69
Đầu tư nước ngoài	27.8	96.1	3.4	6.3	-22.62	3.70

VN-Index



HNX-Index



TOP 10 mã cổ phiếu trong tuần
HOSE
Top 10 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
TAC	52.5	56.9	13.9%
HU1	8.9	0.1	13.9%
SVT	6.2	0.1	13.6%
MCP	28.4	0.4	13.2%
GTA	16.0	4.1	7.6%
AGM	8.7	15.9	7.4%
VMD	23.0	4.5	7.4%
DTT	10.5	1.9	7.4%
SII	19.5	0.1	6.9%
TDW	27.3	0.1	6.9%

Top 10 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
KSA	0.9	9,710.0	-32.7%
PVD	19.9	17,750.0	-27.8%
CDO	1.3	2,085.6	-22.9%
HNG	6.6	25,066.7	-22.1%
GAS	96.8	4,791.1	-21.3%
PXS	6.9	1,668.6	-20.6%
HAG	6.5	72,678.7	-20.6%
HVG	4.7	3,466.0	-19.2%
VHG	0.8	10,048.2	-18.8%
QCG	12.1	6,954.5	-18.7%

Top 10 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	47.8	6,035.2	-13.5%
HPG	58.3	2,499.5	-4.4%
VPB	52.5	1,720.9	-2.8%
VNM	191.0	1,633.4	-7.9%
NVL	80.0	1,522.7	-1.8%
STB	15.0	1,379.7	-7.9%
VJC	185.0	1,359.5	-4.4%
HDB	44.6	1,359.1	-2.5%
VIC	78.2	1,205.8	-10.6%
PNJ	147.5	1,202.6	-1.8%

HNX
Top 10 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
X20	25.0	3.7	54.5%
LCS	5.0	226.7	43.3%
KSD	4.8	505.8	32.7%
NST	12.8	4.0	25.6%
CAG	19.9	0.2	19.6%
KST	17.9	2.2	19.5%
DHT	66.6	173.4	17.8%
NGC	11.2	0.2	17.2%
VSM	15.0	0.4	14.1%
TTC	22.0	1.8	13.0%

Top 10 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
BDB	4.9	0.5	-40.8%
HTP	5.5	0.5	-36.9%
ATS	36.8	64.2	-25.7%
TV3	25.5	17.3	-25.5%
SVN	2.3	428.0	-25.2%
PVS	20.6	49,253.6	-24.8%
KDM	2.4	410.3	-24.4%
PVC	9.3	2,521.4	-20.8%
PVB	16.1	1,010.5	-20.0%
KHL	0.4	12.4	-20.0%

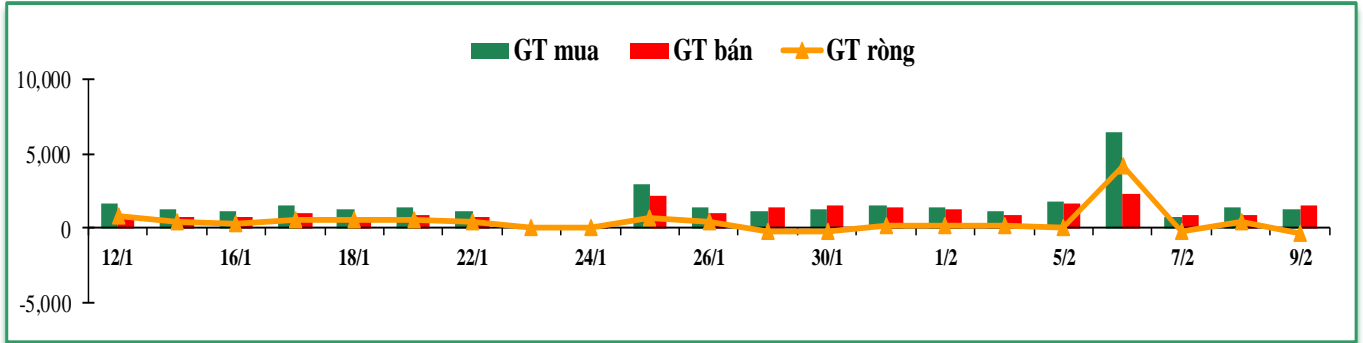
Top 10 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	12.2	1,613.4	-2.7%
PVS	20.6	1,080.5	-24.8%
ACB	39.9	825.4	-3.7%
VCG	21.6	291.9	-14.1%
SHS	20.7	291.2	-6.8%
VGC	22.9	138.3	-8.1%
HUT	8.9	100.5	-14.9%
VCS	198.0	97.2	-10.0%
CEO	10.3	77.5	-8.0%
SHN	10.0	66.8	-2.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	KL mua		KL bán		GT mua		GT bán		Mua-Bán Tỷ đồng
	Triệu CP	% +/-	Triệu CP	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	
HOSE	219.6	69%	125.1	20%	11,296.8	78%	7,183.4	14%	4,113.3
HNX	17.2	-89%	8.5	-92%	276.2	31%	165.2	-47%	111.0
Tổng	236.8	-16%	133.6	-36%	11573.0	76%	7348.6	11%	4224.3

Biểu đồ giao dịch nhà đầu tư nước ngoài



HOSE

Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	47.8	4,193.6	-13.5%
HDB	44.6	281.5	-2.5%
GAS	96.8	91.7	-21.3%
STB	15.0	71.2	-7.9%
HCM	81.0	70.7	-0.5%
CII	34.1	70.2	-9.5%
PLX	73.1	51.7	-17.5%
GEX	30.2	46.3	-0.5%
DPM	21.7	37.3	-13.4%
BMP	81.0	25.1	-5.8%

Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	58.3	(239.8)	-4.4%
VJC	185.0	(225.3)	-4.4%
VNM	191.0	(128.2)	-7.9%
VHC	52.0	(58.1)	-9.5%
NT2	31.0	(51.0)	-7.5%
NVL	80.0	(43.4)	-1.8%
VIC	78.2	(38.1)	-10.6%
VCB	60.9	(31.4)	-9.8%
KBC	12.5	(26.7)	-4.2%
SSI	31.6	(25.5)	-9.9%

HNX

Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	12.2	63.7	-2.7%
VCG	21.6	53.4	-14.1%
VGC	22.9	24.3	-8.1%
PVS	20.6	13.8	-24.8%
SHS	20.7	12.3	-6.8%
NTP	64.0	3.6	-2.1%
HUT	8.9	3.6	-14.9%
VGS	9.3	2.8	-1.9%
BVS	18.8	1.3	-9.0%
NDN	10.7	1.3	-3.3%

Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PGS	32.0	(39.1)	-5.7%
INN	60.9	(1.7)	-4.7%
LAS	13.1	(1.6)	-4.9%
PLC	21.3	(1.1)	-3.2%
CEO	10.3	(0.5)	-8.0%
PVC	9.3	(0.5)	-20.8%
VCC	11.0	(0.4)	1.9%
LHC	58.0	(0.4)	0.0%
CSC	26.0	(0.4)	-5.2%
TTZ	4.7	(0.4)	-5.9%

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UNIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801